

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - BỘ QUỐC PHÒNG

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI - BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2013/TTLT-BLĐTBXH-BQP

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2013

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn xác nhận liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như
thương binh trong chiến tranh không còn giấy tờ**

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Thực hiện Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7/2013 (Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2013), trong đó giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc giải quyết tồn đọng đối với thương binh, người có công trong chiến tranh không còn giấy tờ theo quy định;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn xác nhận liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh trong chiến tranh không còn giấy tờ.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn xác nhận liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người hy sinh, bị thương trong chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ.

Điều 2. Đối tượng không áp dụng

1. Người bị chết đã có văn bản của cơ quan có thẩm quyền kết luận không đủ điều kiện xác nhận liệt sĩ hoặc đã được giải quyết chế độ tử sĩ, quân nhân tử trận, tai nạn lao động, tai nạn chiến tranh.

2. Người bị thương đã có văn bản của cơ quan có thẩm quyền kết luận không đủ điều kiện xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh hoặc đã được giải quyết chế độ tai nạn lao động, tai nạn chiến tranh.

3. Người bị thương đã được giám định kết luận tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật dưới 21%; người bị thương đã qua các đoàn an dưỡng, điều dưỡng thương bệnh binh, trừ trường hợp đã qua các đoàn an dưỡng nhưng chưa được giám định do giấy tờ chỉ ghi sức ép hoặc chấn thương.

4. Các trường hợp quy định tại Điều 2 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 31/2013/NĐ-CP).

**Chương II
LIỆT SĨ****Điều 3. Căn cứ xác nhận liệt sĩ**

1. Danh sách liệt sĩ lưu tại cơ quan, đơn vị có ghi tên người hy sinh, hoặc giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý lập từ ngày 31/12/1994 trở về trước có ghi nhận là liệt sĩ hoặc hy sinh trong chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu.

2. Người hy sinh đã được chính quyền và nhân dân suy tôn đưa vào an táng trong nghĩa trang liệt sĩ nơi hy sinh, được gắn bia mộ liệt sĩ từ ngày 31/12/1994 trở về trước.

Điều 4. Thủ tục xác nhận đối với người hy sinh thuộc lực lượng quân đội, công an

1. Đại diện thân nhân người hy sinh làm đơn đề nghị xác nhận liệt sĩ (Mẫu LS) kèm theo giấy tờ, tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người hy sinh trước khi tham gia quân đội, công an.

Trường hợp người tham gia quân đội, công an từ các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, nông trường, lâm trường thì phải có xác nhận của cơ quan, đơn vị trước khi tham gia quân đội, công an để Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người hy sinh làm cơ sở lập hồ sơ.

Trường hợp hy sinh quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này thì phải kèm theo giấy xác nhận về phần mộ và thời điểm an táng hài cốt liệt sĩ của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương quản lý nghĩa trang liệt sĩ.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Đề nghị Hội Cựu chiến binh và Hội Người cao tuổi cùng cấp có ý kiến bằng văn bản về việc xác nhận liệt sĩ;

b) Niêm yết công khai danh sách tại cấp thôn, xóm nơi cư trú của người hy sinh trước khi tham gia quân đội, công an; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để lấy ý kiến của nhân dân. Thời hạn niêm yết thông báo tối thiểu là 15 ngày. Lập Biên bản kết quả niêm yết công khai;

c) Căn cứ Biên bản kết quả niêm yết công khai và văn bản tham gia ý kiến của các Hội tại Điểm a Khoản này, tổ chức họp Hội đồng xác nhận người có công cấp xã để xét duyệt, lập biên bản họp Hội đồng đề nghị xác nhận liệt sĩ (Mẫu BB-LS) đối với trường hợp được nhân dân đồng thuận, không có khiếu nại, tố cáo;

d) Gửi biên bản họp Hội đồng đề nghị xác nhận liệt sĩ, biên bản niêm yết công khai, văn bản tham gia ý kiến của các Hội tại Điểm a Khoản này, kèm theo giấy tờ, hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này đến Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện (đối với người hy sinh thuộc quân đội) hoặc Công an cấp huyện (đối với người hy sinh thuộc công an).

3. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, Công an cấp huyện kiểm tra hồ sơ, xác định tính pháp lý của các giấy tờ làm căn cứ đề nghị xác nhận liệt sĩ; trường hợp đủ điều kiện thì có công văn kèm theo danh sách và các giấy tờ quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này gửi Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Công an cấp tỉnh.

4. Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Công an cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, lập phiếu xác minh (Mẫu XM), cấp Giấy báo tử đối với trường hợp hồ sơ đủ điều kiện; có công văn đề nghị xác nhận liệt sĩ kèm theo danh sách, hồ sơ gửi Cục Chính trị Quân khu (đối tượng thuộc quân đội) để xét duyệt, tổng hợp gửi Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; gửi Cục Chính sách, Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân (đối tượng thuộc công an).

Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội gửi Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam;

b) Tiếp nhận Bảng “Tổ quốc ghi công” và hồ sơ liệt sĩ; chỉ đạo cơ quan, đơn vị phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thân nhân liệt sĩ cư trú tổ chức lễ truy điệu; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, thực hiện chế độ ưu đãi theo quy định.

5. Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; Cục Chính sách, Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm:

- a) Kiểm tra hồ sơ theo thẩm quyền;
- b) Trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an có công văn đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”;
- c) Chuyển Bằng “Tổ quốc ghi công” và hồ sơ liệt sĩ về cơ quan đề nghị.

Điều 5. Thủ tục xác nhận đối với người hy sinh không thuộc lực lượng quân đội, công an

1. Đại diện thân nhân người hy sinh làm đơn đề nghị xác nhận liệt sĩ (Mẫu LS) kèm giấy tờ, tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều 3, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người hy sinh trước khi tham gia cách mạng;

Trường hợp hy sinh quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này thì phải kèm theo giấy xác nhận về phần mộ và thời điểm an táng hài cốt liệt sĩ của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương quản lý nghĩa trang liệt sĩ.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư này. Trường hợp người hy sinh là Thanh niên xung phong đề nghị có thêm ý kiến bằng văn bản của Hội cựu Thanh niên xung phong hoặc Ban Liên lạc Thanh niên xung phong cùng cấp;

b) Gửi hồ sơ đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Kiểm tra hồ sơ, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp Ban Chỉ đạo xác nhận người có công để xét duyệt từng hồ sơ; lập biên bản xét duyệt;

b) Căn cứ biên bản xét duyệt của Ban Chỉ đạo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy báo tử đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền;

c) Trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp giấy báo tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điểm c, d Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP;

Người hy sinh là Thanh niên xung phong nếu thuộc Bộ Giao thông vận tải quản lý thì chuyển hồ sơ đến Bộ Giao thông vận tải để cấp giấy báo tử. Người hy sinh là Thanh niên xung phong nếu thuộc các cơ quan, đơn vị khác quản lý thì chuyển đến Sở Nội vụ để xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy báo tử;

d) Chuyển toàn bộ hồ sơ về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có công văn đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy báo tử quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có trách nhiệm:

a) Cấp giấy báo tử; có công văn kèm theo hồ sơ đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”;

b) Tiếp nhận Bằng “Tổ quốc ghi công” và hồ sơ liệt sĩ; chỉ đạo cơ quan, đơn vị phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thân nhân liệt sĩ cư trú tổ chức lễ truy điệu; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, thực hiện chế độ ưu đãi theo quy định.

Chương III

THƯƠNG BINH, NGƯỜI HƯỞNG CHÍNH SÁCH NHƯ THƯƠNG BINH

Điều 6. Căn cứ cấp Giấy chứng nhận bị thương

1. Căn cứ chứng minh quá trình tham gia cách mạng

a) Người thoát ly tham gia cách mạng hoặc hoạt động không thoát ly nhưng sau đó thoát ly tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước phải có một trong các giấy tờ sau: lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; lý lịch công an nhân dân; quyết định phục viên, xuất ngũ, thôi việc; hồ sơ bảo hiểm xã hội hoặc các giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý lập từ ngày 31/12/1994 trở về trước. Trường hợp không còn một trong các giấy tờ nêu trên nhưng đã được hưởng trợ cấp theo các Quyết định sau đây của Thủ tướng Chính phủ thì thực hiện như quy định tại Điểm b Khoản này:

Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11/4/2002 về chế độ đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống pháp đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ 31/12/1960 trở về trước;

Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước;

Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương;

Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;